

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 375/2023/DS-PT

Ngày: 12-7-2023

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Nhân

Ông Huỳnh Văn Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Phúc Thắm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 615/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1948 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp N, Khu phố C, Phường A, thị xã G, Tiền Giang.

2. Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng N trình bày:

Do quen biết nên anh N có cho ông T vay tiền nhiều lần cụ thể: Ngày 23 tháng 3 năm 2013, vay 100.000.000 đồng; Ngày 25 tháng 3 năm 2013, vay 20.000.000 đồng. Vay lãi suất 03%/ tháng.

Thời hạn vay là ngay khi ông T vay được tiền của ngân hàng thì phải trả lại cho anh N.

Ngày 28 tháng 3 năm 2013, ông T cùng với ông Trần Văn Đ đến Ngân hàng N1 chi nhánh huyện G để đáo hạn ngân hàng; khi ông T nhận được tiền thì anh N, ông T, ông Đặng c đi đến quán cà phê của chị D1 gần ngân hàng để đưa tiền cho anh N thì lúc này bà D và hai thanh niên khác đi cùng đến lấy toàn bộ số tiền 120.000.000 đồng.

Sau đó, sự việc được Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện G xử lý, làm rõ là do ông T vay tiền của chị D để cho ông Đặng vay lại nên ông T, ông Đ, bà D thống nhất ngay khi ông T đến ngân hàng lấy được tiền thì phải để bà Nguyễn Thị Mỹ D ập đến lấy toàn bộ số tiền này và trả lại giấy nợ cho ông T. Việc ông T, ông Đ vay tiền bà D là chuyện riêng của họ, không liên quan gì đến tiền ông T vay của anh N, anh N cũng không có cho ông Đ vay tiền.

Nay yêu cầu trả ông T phải có nghĩa vụ trả cho anh N số tiền vốn gốc là 120.000.000 đồng và tiền lãi trong 09 năm với lãi suất 09%/năm là 97.200.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông thừa nhận có vay của anh N nhiều lần với số tiền 120.000.000 đồng vào năm 2013, hai bên có làm giấy viết tay. Vay với lãi suất của 04 ngày là 4.800.000 đồng. Thời hạn vay là ngay khi ông đáo hạn ngân hàng thì ông sẽ trả lại số tiền này cho anh N.

Ngày 28 tháng 3 năm 2013, ông có gặp anh N tại quán cà phê của chị D1 và giao cho anh N số tiền vốn là 120.000.000 đồng và 4.800.000 đồng tiền lãi. Khi anh N nhận tiền thì bà D đến lấy tiền này để trừ nợ của anh N vì anh N nợ bà D.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của anh N, ông không đồng ý vì trả xong và không còn nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 16, Điều 292 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 471, 473, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng N.

Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Hoàng N số tiền:

- Vốn là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng)
- Tiền lãi là 97.200.000 đồng (Chín mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng)

Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 03/4/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng N.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn có thay đổi yêu cầu kháng cáo và cho rằng ông đã trả xong tiền đối với anh N tại quán cà phê chi D1, nay ông chỉ đồng ý trả số tiền vốn là 120.000.000 đồng cho anh N, ông không đồng ý trả số tiền lãi 97.200.000 đồng vì ông không có khả năng trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy, kháng cáo của bị đơn không đồng ý trả cho anh N số tiền 97.200.000 đồng là không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới nên không có cơ sở để xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử không nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; yêu cầu kháng cáo của bị đơn, ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T thực hiện đúng qui định theo Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng qui định Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là đúng quy định tại 463 Bộ luật Dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T không đồng ý trả số tiền 120.000.000 đồng và tiền lãi cho anh Nguyễn Hoàng N, nhận thấy:

Quá trình xem xét đánh giá hợp đồng vay giữa anh Nguyễn Hoàng N và ông Nguyễn Văn T, thấy rằng:

Về số tiền vốn vay: Việc vay tiền giữa các bên được thực hiện từ năm 2013 tại thời điểm vay tiền các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và các bên tự nguyện giao kết hợp đồng. Phía ông T thừa nhận có ký các biên nhận vay tiền

của anh N số tiền 20.000.000đồng theo biên nhận ngày 14/2/2013(AL) và số tiền 100.000.000 đồng biên nhận ngày 12/2/2013(AL). Tuy nhiên, ông T cho rằng đến ngày 28/3/2013 ông đã trả số tiền 120.000.000 đồng cho anh N ngay sau khi ông đáo hạn Ngân hàng, giao tiền tại quán cà phê của chị D1 nên không đồng ý trả cho anh N số tiền 120.000.000 đồng.

Xét thấy: Căn cứ các lời khai của các đương sự tại Cơ quan cảnh sát điều tra huyện G, khai thống nhất;

Ngày 25/3/2013 ông T có mượn của anh N số tiền 120.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng và cam kết vay tiền để trả lại cho anh N. Đến ngày 28/3/2013 ông T cùng ông Đ đến Phòng giao dịch tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần P - Chi nhánh huyện G làm thủ tục vay được 120.000.000 đồng. Sau đó ông T đi lại quán cà phê chị D1 đưa túi nilong bên trong có số tiền 120.000.000 đồng cho anh N. Cùng lúc này thì chị Nguyễn Thị Mỹ D đi cùng hai thanh niên xông vào quán yêu cầu anh N để túi tiền lên bàn để giải quyết. Anh N để túi tiền lên bàn thì chị D liền lấy số tiền trên cất vào túi xách rồi đi về. Sau đó, chị D tự ý dùng số tiền này để cản trừ nợ mà trước đó ông T đã đứng ra vay của chị D giùm cho ông Đ, sau khi cản trừ nợ thì chị D đã trả lại giấy mượn nợ cho ông T.

Xét, ông T xác định có vay tiền của bà D và bà D đã lấy số tiền 120.000.000 đồng mà ông T giao trả cho anh Nghĩa là để chấm dứt việc vay tiền giữa bà D với ông T. Đồng thời, việc bà D đến quán cà phê để lấy số tiền ông T trả cho anh Nghĩa là do ông Đặng báo tin cho bà D biết địa điểm ngày giao trả tiền để bà D đến lấy số tiền trên và các bên đã bàn tính, dàn cảnh để bà D lấy tiền của anh N. Nên không có căn cứ xác định ông T đã trả tiền cho anh N. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào biên nhận nợ ngày 23/3/2013; biên nhận 25/3/2013 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nghĩa là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T thay đổi yêu cầu kháng cáo, đồng ý trả cho anh N số tiền 120.000.000 đồng tiền vốn, không đồng ý trả số tiền lãi, vì hoàn cảnh ông khó khăn. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của ông không được anh N đồng ý và cũng không phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của ông T là không có cơ sở nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Ông T được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm do ông là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 471, 473, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng N.

Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Hoàng N số tiền:

- Vốn là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng)

- Tiền lãi là 97.200.000 đồng (Chín mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng)

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này, thì hàng tháng còn phải trả lãi phát sinh tính trên số tiền và thời gian chậm thi hành án, với mức lãi suất tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Ông T được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Hoàn lại anh Nguyễn Hoàng N số tiền 5.700.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007053 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã G;
- Chi cục THADS thị xã G;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp Thúy